

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HSST
Ngày 26/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thế Hiên

2. Bà Vũ Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2018/TLST-HS ngày 08/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HS ngày 12/01/2018 đối với bị cáo:

Trần Thế Q, sinh ngày 26/9/1995, tại Lạng Sơn

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 32, đường HB, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Ngõ 1, D, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông: Không có; con bà Trần Thị H; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản vào những năm 2010, 2011, tiền sự này đến nay đã được xóa. Bị cáo bị bắt giam từ ngày 20/11/2017 cho đến nay, có mặt.

Lý lịch bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa đúng với lý lịch bị can lập ngày 19/12/2017 và danh bản số 003 do Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn lập ngày 20/11/2017.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1999; địa chỉ: Số 9, ngõ 4, đường H, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Lương Vi H2, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Bản N, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/10/2017, Trần Thế Q mượn Nguyễn Văn H1 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu NIJA để làm phương tiện đi lại. Ngày 06/10/2017, Q điều khiển xe đến phòng trọ của chị Hà Thị N để sạc điện. Khoảng 21 giờ ngày 06/10/2017, Q đi xe đến quán Internet Cyber để chơi điện tử. Tại đây Q mua chịu với Lương Vi H2 3.100.000 đồng tiền thẻ cào điện thoại để nạp vào trò chơi. Sau khi thua hết không có tiền trả, Q nảy sinh ý định chiếm đoạt xe đạp điện của anh Nguyễn Văn H1 bằng cách gán chiếc xe của anh H1 cho anh Lương Vi H2 để trừ nợ. Anh H2 không biết đây là tài sản của anh Nguyễn Văn H1 nên đã đồng ý và mang chiếc xe nói trên về nhà cất giữ. Do Trần Thế Q trốn tránh không mang xe về trả nên ngày 28/10/2017, anh Nguyễn Văn H1 đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

Tại Biên bản định giá tài sản tố tụng hình sự số 151/ĐGTSTT ngày 13/10/2017, Hội đồng định giá tài đã xác định: Chiếc xe đạp điện mà Trần Thế Q chiếm đoạt của Nguyễn Văn H1 trị giá 5.600.000 đồng;

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thế Q thừa nhận: Ngày 04/10/2017, bị cáo hỏi mượn anh Nguyễn Văn H1 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu NIJA để làm phương tiện đi lại. Tối ngày 06/10/2017, bị cáo đến quán Internet Cyber chơi điện tử và có mua chịu với anh Lương Vi H2 3.100.000 đồng tiền thẻ cào điện thoại để nạp vào trò chơi. Do bị cáo chơi thua không có tiền trả nên đã gán chiếc xe của anh H1 cho anh Lương Vi H2 để trừ nợ và không có khả năng chuộc lại xe để trả cho anh H1.

Tại cơ quan điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn H1 trình bày: Sau khi cho Trần Thế Q mượn xe, anh đã đòi nhiều lần mà không thấy Trần Thế Q mang xe về trả nên ngày 28/10/2017 anh đã viết đơn trình báo cơ quan Công an. Nay anh đã được Cơ quan Công an trả lại tài sản nên anh không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

Anh Lương Vi H2 trình bày: Sau khi hết ca trực tại quán điện tử, anh chốt sổ thấy Trần Thế Q đã mua tổng trị giá thẻ cào là 3.100.000 đồng. Khi Trần Thế Q không tiếp tục chơi điện tử nữa, Q có nói với anh là Q không có tiền trả nên muốn cầm cố chiếc xe đạp điện của Q đang để ở nhà để trừ nợ và anh đã đồng ý. Khi biết đó là vật chứng của vụ án hình sự, anh đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an, nay anh yêu cầu bị cáo Trần Thế Q bồi thường cho anh 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm ngàn đồng chẵn).

Cáo trạng số 05/KSĐT, ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố bị cáo về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thế Q phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự: Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho người bị hại. Buộc bị cáo bồi thường cho anh Lương Vi H2 3.100.000 đồng và tuyên nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rút kinh nghiệm và hứa sẽ không vi phạm pháp luật nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo là phù hợp.

[3] Lời khai của bị cáo Trần Thế Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Qua đó Hội đồng xét xử thấy, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của anh Nguyễn Văn H1 để mượn tài sản rồi nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng cách gán nợ rồi bỏ trốn do không có khả năng chuộc tài sản để trả cho chủ sở hữu. Với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và kết quả định giá của Hội đồng định giá, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Thế Q phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố bị cáo Trần Thế Q là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo tuổi đời còn trẻ, có trình độ học vấn nhất định nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà ham chơi game điện tử. Để thỏa mãn sở

thích của bản thân, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của người khác nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội, ảnh hưởng xấu trong nhân dân. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Về nhân thân: Bị cáo đã nhiều lần bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính, mặc dù tiền sự này đến nay đều đã được xóa nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại phạm tội. Điều đó thể hiện bị cáo là người thiếu ý thức tu dưỡng, coi thường pháp luật. Để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết.

[6] Về hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999: Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập và tài sản nên việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo không có tính khả thi, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn H1 thừa nhận đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Đối với anh Lương Vi H2 là người cầm cố xe nhưng anh H2 không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Vì vậy, yêu cầu bồi thường mà anh H2 đưa ra có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự của bị cáo và các nội dung khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thế Q phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Phạt bị cáo Trần Thế Q **06 (Sáu)** tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/11/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 582; khoản 1 các Điều 584, 585, 589 và Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Trần Thế Q có trách nhiệm bồi thường cho anh Lương Vi H2 3.100.000 đồng (*Ba triệu một trăm ngàn đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thế Q chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, và 300.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch, tổng cộng là 500.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV;
- VKSND TP. Lạng Sơn;
- Công an TP Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thuỳ

